

ĐỀ ÁN

Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết để xây dựng Đề án

Giai đoạn 2026 - 2030 là thời kỳ đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới với nhiều chiến lược đột phá, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và phát triển giáo dục và đào tạo. Đây cũng là giai đoạn đầu tiên tỉnh Ninh Bình hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp sau khi hợp nhất ba tỉnh Ninh Bình, Hà Nam và Nam Định. Trong bối cảnh mới, tỉnh đặt mục tiêu tăng tốc, bứt phá, phấn đấu đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với nền công nghiệp hiện đại, dịch vụ du lịch chất lượng cao, giữ vai trò trung tâm du lịch quốc gia, quốc tế và trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Việc mở rộng địa giới hành chính và hợp nhất đơn vị hành chính đặt ra yêu cầu cấp bách về đồng bộ hóa hệ thống giáo dục, bảo đảm tính thống nhất trong quản lý, phát triển mạng lưới trường lớp, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và nâng cao chất lượng giáo dục trên toàn tỉnh. Sự khác nhau về điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, cơ sở vật chất, chất lượng nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận chuyển đổi số giữa ba tỉnh trước sáp nhập đòi hỏi cần có một đề án tổng thể, định hướng chiến lược, bảo đảm phát triển hài hòa và bền vững.

Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa nhanh, gia tăng dân số cơ học tại các khu vực trung tâm gây áp lực lớn lên hạ tầng trường lớp; nhiều cơ sở giáo dục còn thiếu quỹ đất, diện tích chưa đạt chuẩn; cơ sở vật chất một số trường học xuống cấp, thiếu phòng bộ môn, phòng chức năng, trong khi yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ngày càng cao. Nhu cầu nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghiệp, du lịch, logistics, công nghệ thông tin, nông nghiệp công nghệ cao,... ngày càng lớn, do đó đòi hỏi hệ thống giáo dục phải được tổ chức lại theo hướng hiện đại, linh hoạt, mở và gắn chặt với thị trường lao động.

Cùng với đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và xu thế chuyển đổi số toàn diện của ngành Giáo dục đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới mô hình quản trị, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, tăng cường ứng dụng

công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo. Nếu không có chiến lược phát triển tổng thể, hệ thống giáo dục của tỉnh sẽ khó bắt kịp yêu cầu phát triển, dẫn đến nguy cơ tụt hậu, mất cơ hội thu hút đầu tư, giảm chất lượng nguồn nhân lực và đánh mất vị thế của giáo dục Ninh Bình.

Xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn đó, Đề án “Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” được xây dựng nhằm định hướng, tổ chức lại hệ thống giáo dục một cách đồng bộ; tạo bước chuyển mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả và công bằng trong tiếp cận giáo dục; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới; khai thác tối đa lợi thế của tỉnh sau hợp nhất và đáp ứng các yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

2. Tên Đề án: “Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

3. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 10 tháng 12 năm 2025;
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;
- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI;
- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;
- Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 14/2025/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy

định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức, định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Chương trình hành động số 11-CT/TU ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Tỉnh ủy Ninh Bình về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Bình thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kế hoạch số 77-KH/ĐU ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

PHẦN NỘI DUNG

Phần I

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH

I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH

1. Quy mô trường, lớp, học sinh

Đến tháng 4 năm 2026, sau khi thực hiện Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, toàn tỉnh có 1.455 trường mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp -

giáo dục thường xuyên¹. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 448 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập tư thục. Tổng số lớp, số trẻ mầm non, học sinh phổ thông, giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 28.582 lớp; 956.740 học sinh².

Tổng số trung tâm học tập cộng đồng xã, phường: 129 trung tâm. Trên địa bàn tỉnh hiện có 243 trung tâm ngoại ngữ; 16 trung tâm ngoại ngữ - tin học; 38 trung tâm giáo dục kỹ năng sống; 16 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 78 đơn vị kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.

Đối với giáo dục nghề nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 34 cơ sở giáo dục nghề nghiệp³ (13 trường cao đẳng⁴; 09 trường trung cấp; 09 trung tâm và 03 cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp). Quy mô đào tạo của các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh là trên 25.000 người/năm.

Đối với giáo dục đại học: Toàn tỉnh hiện có 05 trường đại học⁵, trong đó trường đại học Hoa Lư trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; có 03 phân hiệu của các trường đại học hoạt động trên địa bàn tỉnh⁶. Quy mô đào tạo của các trường đại học là trên 8.000 người/năm.

2. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên toàn ngành là 58.260 người (3.983 cán bộ quản lý; 46.188 giáo viên; 8.089 nhân viên)⁷. Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn ở các cấp học: Mầm non đạt 99,3% (trên chuẩn 76,9%); Tiểu học đạt 90,5% (trên chuẩn 1,2%); Trung học cơ sở đạt 96,2% (trên chuẩn 3,6%); Trung học phổ thông đạt 100% (trên chuẩn 24,5%). Theo trình độ chuyên môn: Tiến sĩ: 10 người, thạc sĩ: 1.796 người, đại học: 42.388 người, cao đẳng: 5.824 người, trung cấp: 153 người). Số giáo viên còn thiếu so với biên chế được giao là 2.554 (mầm non: 927; tiểu học: 1.002; trung học cơ sở: 485; trung học phổ thông: 80;

¹ Mầm non: 457 trường; tiểu học: 440 trường; trung học cơ sở: 391 trường; trung học phổ thông: 108 trường; phổ thông có nhiều cấp học: 36 trường; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: 23 trung tâm. Tổng số có 1.418 trường công lập, 37 trường ngoài công lập; trong đó có 03 trường trung học phổ thông chuyên, 01 trường trung học phổ thông dân tộc nội trú; 01 trường tiểu học dành cho học sinh khuyết tật.

² Mầm non: 8.620 nhóm, lớp; 199.641 trẻ; Tiểu học: 9.834 lớp, 333.158 học sinh. Trung học cơ sở: 6.633 lớp; 275.894 học sinh; Trung học phổ thông: 2.870 lớp; 120.427 học sinh. Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: 625 lớp; 27.620 học viên.

³ Sau sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giảm 05 cơ sở so với đầu năm học 2025-2026. Cụ thể: sáp nhập trường cao đẳng nghề Hà Nam, trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Du lịch Ninh Bình vào trường cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định và đổi tên thành trường cao đẳng Kinh tế và Công nghệ tỉnh Ninh Bình; sáp nhập trường cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô vào trường cao đẳng Cơ giới Ninh Bình và đổi tên thành trường cao đẳng Cơ điện Nông nghiệp và Môi trường; sáp nhập trường cao đẳng Y tế Hà Nam, trường trung cấp Y tế Nam Định vào trường cao đẳng Y tế tỉnh Ninh Bình.

⁴ Gồm 12 trường cao đẳng và 01 phân hiệu.

⁵ Trường đại học Hoa Lư, trường đại học Điều dưỡng Nam Định, trường đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định; trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp; trường đại học Lương Thế Vinh.

⁶ Trường đại học Sư phạm Hà Nội; đại học Kinh tế Quốc dân (NEU); trường đại học Xây dựng Hà Nội.

⁷ Mầm non: 20.374 người (1.397 cán bộ quản lý; 14.495 giáo viên; 4.482 nhân viên); Tiểu học: 16.286 người (1.117 cán bộ quản lý; 13.810 giáo viên; 1.359 nhân viên); Trung học cơ sở: 14.238 người (1.116 cán bộ quản lý; 11.663 giáo viên; 1.459 nhân viên); Trung học phổ thông: 6.851 người (298 cán bộ quản lý; 5.853 giáo viên; 700 nhân viên); Giáo dục thường xuyên: 511 người (55 cán bộ quản lý; 367 giáo viên; 89 nhân viên).

giáo dục thường xuyên: 60). Số giáo viên còn thiếu so với định mức giáo viên/lớp của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 5.906 (mầm non: 2.559; tiểu học: 1.538; trung học cơ sở: 1.326; trung học phổ thông 483).

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp là 3.164 người. Trong đó có 593 cán bộ quản lý (trình độ sau đại học: 325, đại học: 259, cao đẳng: 08, trung cấp: 01) và 2.571 giáo viên (trình độ chuyên môn là tiến sĩ: 10, thạc sĩ: 710, đại học: 1.347, cao đẳng: 187, trung cấp: 304 và trình độ khác: 13).

3. Cơ sở vật chất, trường học đạt chuẩn quốc gia

Về diện tích khuôn viên: Diện tích bình quân/trường(trung tâm) đối với các cấp học 0,97 ha (mầm non 0,68 ha/trường; tiểu học 0,99 ha/trường; trung học cơ sở 1,01 ha/trường; trung học phổ thông 1,95 ha/trường; giáo dục thường xuyên 1,28 ha/trung tâm); có 155 cơ sở giáo dục công lập có diện tích khuôn viên chưa bảo đảm theo quy định tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁸, một số trường học, nhất là các trường thuộc các phường có diện tích nhỏ hẹp, không đáp ứng yêu cầu dạy học.

Tính đến tháng 4 năm 2026, toàn tỉnh có 27.263 phòng học các cấp, tỷ lệ kiên cố đạt 98,83%, còn 318 phòng học bán kiên cố. Toàn tỉnh có 7.550 phòng học bộ môn các loại⁹, 495 nhà đa năng¹⁰, tỷ lệ số cơ sở giáo dục có nhà đa năng đạt 50,7%. Thiết bị dạy học tối thiểu cho các nhóm, lớp dưới 5 tuổi đạt từ 54% đến 77%; đồ chơi ngoài trời của các trường mầm non đạt 54%; thiết bị dạy học tối thiểu: cấp tiểu học đạt 43,5%; cấp trung học cơ sở đạt 37,2%; cấp trung học phổ thông đạt 61,3%; giáo dục thường xuyên đạt 46,6%.

Đến nay, tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh đạt 95%¹¹, đến thời điểm hiện tại còn 38 trường mầm non, phổ thông công lập chưa đạt chuẩn quốc gia¹², 150 trường mới sáp nhập chưa được công nhận lại¹³ và 200 trường đạt chuẩn đã hết thời hạn công nhận, hiện tại chưa đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên để kiểm tra công nhận lại.

4. Chất lượng giáo dục, đào tạo

Đối với giáo dục mầm non, 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn tuyệt đối, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ giảm đáng kể, công tác phổ cập cho trẻ 5 tuổi được duy trì vững chắc.

⁸ Gồm: 31 trường mầm non, 70 trường tiểu học, 43 trường trung học cơ sở, 09 trường trung học phổ thông, 02 Trung tâm giáo dục thường xuyên

⁹ Mầm non có 1.227 phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, ngoại ngữ và tin học; tiểu học có 3.166 phòng học bộ môn; trung học cơ sở có 2.590 phòng học bộ môn; trung học phổ thông 529 phòng học bộ môn; giáo dục thường xuyên có 38 phòng học bộ môn

¹⁰ Tiểu học có 198 nhà đa năng, trung học cơ sở có 209 nhà đa năng, trung học phổ thông có 85 nhà đa năng, giáo dục thường xuyên có 03 nhà đa năng

¹¹ Cấp mầm non: 96%; cấp tiểu học: 97% (trong đó 68% đạt chuẩn quốc gia mức độ 2); cấp trung học cơ sở: 99%; cấp trung học phổ thông: 91%

¹² Trong đó có 01 trường đã hoàn thành đánh giá ngoài, dự kiến công nhận trong tháng 5/2026.

¹³ Đối với các trường sáp nhập, mức đạt chuẩn quốc gia của trường mới sẽ tạm tính theo mức thấp nhất của các trường thành phần trước khi sáp nhập.

Đối với giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai hiệu quả, 100% học sinh phổ thông được học 2 buổi/ngày; duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3. Chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn được khẳng định rõ nét qua các kỳ thi¹⁴.

Hệ thống giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp cũng có bước phát triển mạnh mẽ, góp phần xây dựng xã hội học tập và cung cấp nhân lực cho thị trường lao động. Tỉnh đã chú trọng đầu tư 02 trường cao đẳng chất lượng cao và 21 cơ sở giáo dục nghề nghiệp với 77 ngành, nghề trọng điểm. Công tác giải quyết việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 90% với mức thu nhập ổn định.

5. Về chuyển đổi số và hội nhập quốc tế

Công tác chuyển đổi số và cải cách hành chính được xem là khâu đột phá. Toàn ngành đã hoàn thành 100% việc cập nhật dữ liệu lên cơ sở dữ liệu ngành và đồng bộ thành công với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Việc triển khai học bạ số đang thực hiện đúng tiến độ (triển khai đồng bộ ở 100% tiểu học và thí điểm ở 100% trung học cơ sở, trung học phổ thông).

Hoạt động hội nhập quốc tế tiếp tục được duy trì, mở rộng thông qua hợp tác đào tạo với tỉnh U - đôm - xay (Lào), trao đổi học sinh với thành phố Asan (Hàn Quốc), thành phố Saiki (Nhật Bản) và triển khai Khảo sát PISA chu kỳ 2024-2025.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Tỉnh Ninh Bình sau hợp nhất có hệ thống mạng lưới cơ sở giáo dục rộng khắp, đa dạng về loại hình, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của Nhân dân. Cơ sở vật chất trường học được các cấp chính quyền quan tâm đầu tư theo hướng chuẩn quốc gia, xanh, sạch, đẹp. Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 95%, cao hơn mức bình quân chung cả nước.

¹⁴ Tại Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025, tỉnh xếp thứ 3 toàn quốc về điểm trung bình, dẫn đầu cả nước ở 3 môn (Toán, Tin học, Địa lí); có 01 thủ khoa toàn quốc khối A00 (30 điểm), 01 thủ khoa toàn quốc 4 môn (39 điểm) và 1.045 bài thi đạt điểm 10 (xếp thứ 5 toàn quốc). Tại Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2025-2026, tỉnh có 238 học sinh đạt giải, gồm 10 giải Nhất, 63 giải Nhì, 88 giải Ba, 77 giải Khuyến khích; tỷ lệ đạt giải 76,77%, xếp thứ 2 toàn quốc về tổng số lượng giải, xếp thứ 3/34 tỉnh, thành phố về số lượng giải Nhất, 03 học sinh được chọn vào đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực, quốc tế năm 2026. Tại Cuộc thi Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia năm học 2025-2026, có 7/9 dự án dự thi đạt giải, trong đó có 01 dự án đạt giải Nhất được chọn dự thi khoa học kỹ thuật tại Hoa Kỳ. Tại Ngày hội khởi nghiệp quốc gia của học sinh, sinh viên lần thứ VIII năm 2026, tỉnh Ninh Bình đạt 01 giải Ba. Tại Hội thao Giáo dục quốc phòng và an ninh học sinh trung học phổ thông toàn quốc lần thứ IV năm 2026, đoàn học sinh Ninh Bình xuất sắc xếp thứ ba toàn quốc, đạt giải Nhì toàn đoàn. Tại đấu trường quốc tế, Ninh Bình có 01 học sinh đạt Huy chương Vàng và điểm tuyệt đối tại Olympic Hóa học quốc tế Abu Rayhan Biruni (ARBICHO) năm 2025; 01 học sinh đạt Huy chương Vàng Olympic Hóa học Châu Á (AchO) năm 2025; 01 học sinh đạt Huy chương Vàng tại Olympic Hóa học ứng dụng quốc tế (IACHO) 2025; 01 học sinh quán quân cấp quốc gia và xếp thứ 10 chung cuộc Vòng chung kết Cuộc thi vô địch Tin học văn phòng thể giới (MOSWC) 2025.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn ở các cấp học đều ở mức cao, đa số tâm huyết với nghề, có năng lực chuyên môn vững vàng.

- Chất lượng giáo dục toàn diện duy trì ổn định và đồng đều giữa các khu vực. Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi học sinh giỏi Quốc gia luôn nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Tỉnh Ninh Bình đạt phổ cập giáo dục và xoá mù chữ ở mức độ cao nhất, thuộc nhóm tỉnh, thành phố đầu tiên của cả nước.

- Công tác chuyển đổi số được triển khai quyết liệt, đồng bộ và có chiều sâu. 100% cơ sở giáo dục triển khai phần mềm quản lý, liên thông cơ sở dữ liệu ngành. Dữ liệu định danh cá nhân đã được xác thực và đồng bộ thành công với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Chất lượng đào tạo nghề ngày càng được nâng lên, gắn với nhu cầu thị trường lao động; tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm sau tốt nghiệp cao.

2. Tồn tại, hạn chế

- Hệ thống trường, lớp học trên địa bàn tỉnh sau hợp nhất đã được củng cố nhưng vẫn tồn tại sự chênh lệch giữa các khu vực. Các phường trung tâm và khu vực đô thị hóa nhanh có tốc độ tăng dân số cơ học cao, gây áp lực lớn lên hạ tầng giáo dục; trong khi một số xã vùng xa, vùng nông thôn quy mô trường nhỏ, manh mún, chưa đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong tổ chức dạy học. Quỹ đất dành cho giáo dục tại nhiều địa bàn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu về diện tích để đạt chuẩn diện tích theo quy định và xu thế phát triển.

- Cơ sở vật chất tại nhiều trường học, đặc biệt ở các cấp mầm non và phổ thông, còn thiếu đồng bộ, một số công trình xuống cấp, thiếu phòng bộ môn, phòng chức năng, thư viện, khu thể thao, khu trải nghiệm, nhà đa năng. Việc đầu tư trang thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn chưa đầy đủ, thiếu sự thống nhất giữa các địa phương trước sáp nhập. Một số trường học chưa đáp ứng tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia, nhất là về diện tích, công trình phụ trợ và thiết bị dạy học.

- Đội ngũ nhà giáo cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy, tuy nhiên vẫn còn thiếu giáo viên ở một số môn học như Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật, các môn tích hợp của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chất lượng đội ngũ không đồng đều giữa các vùng; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và triển khai phương pháp dạy học mới còn hạn chế. Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, thu hút giáo viên giỏi, đặc biệt là giáo viên cho trường chuyên, vẫn gặp nhiều khó khăn.

- Giáo dục mũi nhọn đạt nhiều thành tích, song cơ sở vật chất và điều kiện học tập tại trường trung học phổ thông chuyên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển học sinh năng khiếu. Giáo dục thường xuyên từng bước đổi mới nhưng

quy mô nhỏ, hiệu quả chưa cao.

- Việc triển khai hạ tầng số trong các cơ sở giáo dục đạt một số kết quả tích cực, nhưng mức độ số hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các địa phương còn chưa đồng bộ. Phần lớn trường chưa có phòng học thông minh, thư viện số. Năng lực số của một bộ phận giáo viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chủ động đổi mới nhưng chưa tạo được sức hút mạnh với người học; quy mô tuyển sinh chưa đáp ứng nhu cầu xã hội. Cơ sở vật chất của nhiều trường dạy nghề còn hạn chế, chương trình đào tạo chưa gắn chặt với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động. Giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh chưa thực sự trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng; một số cơ sở chưa đạt chuẩn kiểm định theo quy định.

- Việc huy động nguồn lực xã hội hoá cho giáo dục còn khó khăn. Đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn chế và chưa đáp ứng yêu cầu sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trường học. Các mô hình trường học chất lượng cao, trường tư thực phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu của người dân.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Công tác quy hoạch đất dành cho giáo dục ở một số địa phương trước đây chưa được quan tâm đúng mức. Công tác dự tính, dự báo (về quy mô dân số, số lớp, số học sinh) của một số địa phương chưa sát thực tế. Các quy định của Trung ương về tiêu chuẩn, định mức diện tích, cơ sở vật chất trong cơ sở giáo dục được nâng lên (đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn hơn). Việc tăng quy mô dân số tự nhiên ở một số khu vực (nhất là các phường) dẫn đến tăng số lớp, số học sinh, gây áp lực lên hạ tầng. Nguồn lực kinh phí đầu tư của địa phương và kinh phí trong các nhà trường còn hạn hẹp, chưa kịp thời. Công tác xã hội hóa (huy động nguồn lực ngoài ngân sách) cho tăng cường cơ sở vật chất gặp nhiều khó khăn.

- Số biên chế giáo viên được giao thấp hơn định mức quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thiếu nguồn tuyển giáo viên một số môn học mới. Số lượng giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng để dạy các môn tích hợp hoặc các hoạt động giáo dục mới còn chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chưa có cơ chế, chính sách thu hút, tuyển dụng giáo viên giỏi về công tác tại các trường chuyên của tỉnh; cơ sở vật chất trường học (nhất là Trường trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong) xuống cấp, chưa đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu; khu nội trú chật hẹp (chỉ đáp ứng chỗ ở cho khoảng 50% số học sinh), làm hạn chế việc thu hút học sinh giỏi.

- Nguồn kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số trong giáo dục còn hạn chế. Hầu hết các trường học hiện nay không có đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin đủ năng lực để hỗ trợ kỹ thuật, quản trị hệ thống và thúc đẩy giáo viên ứng dụng công nghệ hiệu quả.

- Liên kết giữa giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp chưa chặt chẽ;

công tác dự báo nhu cầu nhân lực còn hạn chế.

Phần II

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH NINH BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của giáo dục và đào tạo đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững; được ưu tiên đi trước một bước, quan tâm đặc biệt, đầu tư ở mức vượt trội, gắn chặt với các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn. Bố trí kinh phí cho giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh bảo đảm tối thiểu 23% tổng chi ngân sách và cao hơn mức trung bình của cả nước, đồng thời cao hơn so với tiêu chuẩn, tiêu chí của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị.

2. Thực hiện đồng bộ đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục, kiểm tra, đánh giá và quản lý giáo dục; phát triển giáo dục toàn diện đức - trí - thể - mỹ, bảo đảm học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Chú trọng hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực người học, năng lực tự học, tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng với chuyển đổi số, khoa học - công nghệ và yêu cầu hội nhập quốc tế; tiếp tục giữ vững và khẳng định uy tín, vị thế của giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình trong khu vực và cả nước.

3. Phát triển hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời; bảo đảm mọi người dân, không phân biệt vùng miền, điều kiện kinh tế - xã hội, đều có cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng. Khơi dậy, gìn giữ và phát huy mạnh mẽ truyền thống hiếu học, khoa bảng, văn hiến của quê hương Ninh Bình; xây dựng con người Ninh Bình phát triển toàn diện, có trí tuệ, đạo đức, nhân văn, kỷ cương, sáng tạo, trách nhiệm xã hội và năng lực làm chủ tri thức trong kỷ nguyên số, lấy con người là trung tâm, chủ thể và mục tiêu của sự phát triển.

4. Xây dựng môi trường giáo dục văn minh, hiện đại, thân thiện, an toàn, hạnh phúc; đề cao vai trò, trách nhiệm của nhà trường trong việc kết nối chặt chẽ giữa gia đình, xã hội và các lực lượng liên quan để thực hiện hiệu quả mục tiêu giáo dục toàn diện. Tập trung quy hoạch xây dựng, mở rộng các cơ sở giáo dục; từng bước nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới các cơ sở giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, đạt chuẩn quốc gia, tạo không gian học tập mở, sáng tạo, kiến trúc xanh, thân thiện môi trường, phù hợp với xu thế phát triển và yêu cầu hội nhập quốc tế.

5. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác, giao lưu quốc tế trong lĩnh vực

giáo dục và đào tạo, ưu tiên hợp tác với các nền giáo dục tiên tiến, hiện đại; chủ động tiếp thu tinh hoa giáo dục nhân loại, đồng thời giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và quê hương Ninh Bình. Kịp thời phát hiện, khai thác hiệu quả các cơ hội, huy động nguồn lực chất lượng cao từ hội nhập quốc tế nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong bối cảnh toàn cầu hóa.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Bình theo hướng đồng bộ, hiện đại, hội nhập, bền vững, phát huy truyền thống hiếu học của tỉnh và tinh hoa tri thức nhân loại. Tập trung phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực và kỹ năng hội nhập, phát huy sở trường, nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI). Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với thị trường lao động. Duy trì, khẳng định thứ hạng, vị thế, chất lượng giáo dục Ninh Bình trong nhóm dẫn đầu cả nước, góp phần đưa tỉnh trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước, có năng lực cạnh tranh quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về chất lượng giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, xoá mù chữ mức độ 2; tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ mức độ 2 đạt 99,99%; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; phấn đấu huy động khoảng 40% trẻ em độ tuổi nhà trẻ đến trường. Phấn đấu tỷ lệ trẻ em theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đạt khoảng 12%.

- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp tiểu học và trung học cơ sở đạt 99,9%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt từ 99,7% trở lên; tỷ lệ chuyển cấp từ tiểu học lên trung học cơ sở đạt 99,5%; từ 85% trở lên người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đạt 99% trở lên.

- Phấn đấu duy trì trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về chất lượng thi tốt nghiệp trung học phổ thông và nhóm 7 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về số lượng hoặc tỷ lệ đạt giải thi chọn học sinh giỏi quốc gia. Phấn đấu hằng năm có học sinh đạt giải quốc tế hoặc khu vực Châu Á; chất lượng giáo dục phổ thông tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực Châu Á.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 82% trở lên, trong đó 40% có trình độ cao đẳng, trung cấp, trung học nghề trở lên; trên 85% học viên tốt nghiệp có việc làm

đúng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của tỉnh.

- Phần đầu có trên 90% xã, phường được công nhận cộng đồng học tập cấp xã và tỉnh Ninh Bình được công nhận đạt cộng đồng học tập cấp tỉnh.

- 100% học sinh, sinh viên được tham gia đa dạng hoạt động trải nghiệm, thực hành, rèn luyện thực tiễn gắn với giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, hướng nghiệp, kỹ năng mềm.

- Có mô hình giáo dục chính trị tư tưởng đạo đức, lối sống, các thiết chế văn hóa học đường phù hợp với từng cấp học; có chương trình, định hướng để nâng cao dinh dưỡng học đường và phát triển giáo dục thể chất trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

b) Về đội ngũ

- Phần đầu bảo đảm tỷ lệ giáo viên/nhóm, lớp ở các cấp học đạt mức tối đa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 100% giáo viên các cấp có trình độ đào tạo đạt chuẩn; phần đầu tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 33%.

- Phần đầu ít nhất 40% giảng viên đại học có trình độ tiến sĩ. Phần đầu 100% giảng viên, giáo viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn trình độ đào tạo; 30% có trình độ sau đại học, 15% có kỹ năng nghề bậc cao; 80% giảng viên được bồi dưỡng về chuyển đổi số, công nghệ mới và phương pháp dạy học hiện đại.

c) Về cơ sở hạ tầng và nguồn lực đầu tư

- Phần đầu tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%; bảo đảm đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu; tỷ lệ trường học có nhà đa năng đạt 83% (trong đó: Cấp tiểu học đạt 85%; trung học cơ sở đạt 80%; trung học phổ thông đạt 100%; giáo dục thường xuyên đạt 60%); tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học: Mầm non đạt 96% trở lên, tiểu học (mức độ 2) đạt 82% trở lên, trung học cơ sở đạt 100%, trung học phổ thông đạt 100%.

- Phần đầu 100% cơ sở giáo dục đại học và 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia; xây dựng 01 trường cao đẳng chất lượng cao, 01 trường cao đẳng thực hiện chức năng trung tâm vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Phần đầu trên 80% cơ sở giáo dục đạt chuẩn quy định trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Duy trì các trường trung học phổ thông chuyên của tỉnh; xây dựng hệ thống các trường trung học cơ sở điển hình. Quy hoạch, mở rộng diện tích cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, phần đầu: bảo đảm cấp mầm non 15 m²/trẻ em, cấp phổ thông và giáo dục thường xuyên 12 m²/học sinh, học viên đối với các trường trên địa bàn phường; bảo đảm 20 m²/trẻ em, học sinh, học viên đối với các trường,

trung tâm trên địa bàn xã. Tổng diện tích một trường mầm non tối thiểu 3.000 m² (địa bàn các phường tối thiểu 2.500 m²); tổng diện tích một trường tiểu học tối thiểu 5.000 m² (địa bàn các phường tối thiểu 4.000 m²); tổng diện tích một trường trung học cơ sở tối thiểu 6.000 m² (địa bàn các phường tối thiểu 5.000 m²); tổng diện tích một trường trung học phổ thông tối thiểu 20.000 m² (địa bàn các phường tối thiểu 15.000 m²); tổng diện tích một trung tâm giáo dục thường xuyên tối thiểu 15.000 m² (địa bàn các phường tối thiểu 10.000 m²). Phấn đấu đến năm 2030, diện tích bình quân mỗi trường mầm non, phổ thông đạt 1,35 ha; quy hoạch, bố trí quỹ đất để di chuyển hoặc xây dựng mới từ 3-5 trường mỗi cấp học tại các vị trí phù hợp, với quy mô 3-10 ha/trường, nhằm hình thành các trường tiêu biểu, trọng điểm cấp quốc gia và khu vực. Đối với các trường thuộc diện sắp xếp, sáp nhập thành điểm trường thì mỗi điểm trường phải đảm bảo diện tích, điều kiện về cơ sở vật chất... theo các tiêu chí của một trường nêu trên.

- Xây dựng khu đại học Nam Cao thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tầm quốc gia, khu vực; phát triển các trường đại học thuộc tỉnh thành đại học đa ngành, đạt chuẩn quốc gia. Ngoài khu đại học Nam Cao, thu hút thêm 3 - 5 trường đại học đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh ở những vị trí, địa bàn phù hợp.

- Hằng năm, bố trí kinh phí cho giáo dục và đào tạo bảo đảm tối thiểu 23% tổng chi ngân sách và cao hơn mức trung bình của cả nước, đồng thời cao hơn so với tiêu chuẩn, tiêu chí của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị.

d) Về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo

- Phấn đấu mỗi năm đầu tư xây dựng khoảng 60 trường học đạt chuẩn theo mô hình trường học số.

- Phấn đấu 90% cơ sở giáo dục đạt mức độ chuyển đổi số ở mức độ 3, còn lại đạt ở mức độ 2; 100% cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp triển khai nội dung giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Hoàn thiện sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hợp lý, hiệu quả gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phân bố dân cư; xây dựng thêm một số trường trung học phổ thông ở khu vực phù hợp. Phấn đấu bảo đảm diện tích bình quân mỗi trường học của tỉnh đạt 1,6 ha; tỷ lệ trường học có nhà đa năng đạt 93%; hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương; phấn đấu hoàn thành trước năm 2035.

- Ninh Bình trở thành trung tâm giáo dục chất lượng cao của vùng Đồng bằng sông Hồng, đạt trình độ tiên tiến khu vực và quốc tế. 100% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông có đủ năng lực số, năng lực tiếng Anh và kỹ năng làm việc trong môi trường toàn cầu. Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường

học. Phần đầu mỗi cấp học tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và giáo dục đại học/cao đẳng trên địa bàn tỉnh có ít nhất 01 trường có cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục theo chuẩn quốc tế. Phần đầu bảo đảm diện tích bình quân mỗi trường học của tỉnh đạt 1,8 ha; tỷ lệ trường học có nhà đa năng đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng, triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù, ưu tiên cho phát triển giáo dục và đào tạo

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù riêng của tỉnh, ưu tiên bố trí ngân sách thực hiện các chế độ, chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển giáo dục và đào tạo như: thu hút được người tài, nhà khoa học, chuyên gia trong nước và nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc tại các trường thuộc tỉnh; có chính sách thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; có cơ chế thu hút, khuyến khích chuyên gia, kỹ sư, nghệ nhân, doanh nhân tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ người dân Ninh Bình học tập tại các trường đại học trên địa bàn tỉnh, học nghề cho thanh niên, lao động nông thôn, người nghèo, đối tượng chính sách, thúc đẩy học tập suốt đời và chuyển đổi nghề,...

Xây dựng và triển khai “Đề án xây dựng mô hình trường trung học cơ sở điển hình trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn 2045” nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trở thành mô hình điểm, đóng vai trò hạt nhân lan tỏa chất lượng giáo dục trong toàn tỉnh.

Đổi mới cơ chế, chính sách tài chính, phân bổ, đầu tư cho giáo dục và đào tạo; chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh bảo đảm tối thiểu 23% tổng chi ngân sách và cao hơn mức trung bình của cả nước.

Nghiên cứu, đề xuất chủ trương thu hút, chuyển các trường đại học có uy tín, thương hiệu về tỉnh Ninh Bình là cơ sở đào tạo chính thức, không dừng lại ở mô hình, phân hiệu; qua đó tạo đột phá trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển nghiên cứu khoa học, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thu hút nhân tài.

Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh thu hút các nhà đầu tư về đầu tư xây dựng, phát triển trường tư thục trên địa bàn tỉnh.

2. Đổi mới quản lý giáo dục và quản trị nhà trường

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, liên thông trong quản lý nhà nước; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định về biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối

với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục.

Đổi mới cơ chế quản trị cơ sở giáo dục, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy bên trong cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, khuyến khích đổi mới sáng tạo; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục, đào tạo và nâng cao trách nhiệm giải trình trước xã hội, người học, cơ quan quản lý; tăng cường sự tham gia của người học, gia đình và cộng đồng xã hội vào hoạt động quản trị nhà trường.

Chuyển đổi mô hình quản lý giáo dục nghề nghiệp từ hành chính sang quản trị dựa trên kết quả đầu ra; lấy việc làm và năng lực nghề của người học làm thước đo chất lượng. Thúc đẩy công khai, minh bạch thông tin đào tạo, tuyển sinh, tài chính, kiểm định chất lượng theo quy định của Nhà nước.

Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về giáo dục; thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn về công tác thanh tra, kiểm tra về giáo dục, cơ sở giáo dục, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân

Phát triển hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, đa dạng hoá các mô hình đào tạo, chương trình giáo dục, phương thức học tập; ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục để phù hợp với mọi đối tượng người học, thúc đẩy học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập. Gắn kết liên thông giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Rà soát, bố trí sắp xếp lại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có quy mô nhỏ trên cùng địa bàn xã, phường; sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô lớp học, điểm trường một cách hợp lý trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; bảo đảm đủ lớp học đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở, thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông và tương đương.

Bảo đảm quỹ đất để xây dựng các cơ sở giáo dục phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường, lớp học; từng bước khắc phục những tồn tại về không gian phát triển của các trường do thiếu quỹ đất, bảo đảm các cơ sở giáo dục có diện tích đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài; có quỹ đất ưu tiên cho phát triển giáo dục nghề nghiệp và các loại hình giáo dục ngoài công lập phù hợp với từng địa bàn. Mỗi cơ sở giáo dục phải có quy hoạch tổng mặt bằng phục vụ quản lý đầu tư xây dựng và phát triển mang tính tổng thể và lâu dài. Ưu tiên bố trí trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sáp nhập cho các cơ sở giáo dục.

Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục tư thục phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế; tiếp tục phát triển các mô hình mới như: trường học số, trường

học thông minh, trường công lập tự chủ...; quan tâm đầu tư cho giáo dục chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của người dân.

Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở, linh hoạt, hiệu quả bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người dân, xây dựng xã hội học tập.

Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tránh chồng chéo ngành nghề; đảm bảo đến năm 2030 có 01 trường cao đẳng đạt chuẩn chất lượng cao quốc gia, 03-05 nghề trọng điểm quốc gia hoặc quốc tế. Quan tâm phát triển hệ thống các trường đại học, trong đó có khu đại học Nam Cao, trường đại học Hoa Lư và các khu, cụm đại học theo quy hoạch.

4. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục và đào tạo; xây dựng phát triển văn hóa học

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học để chủ động, triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới hiệu quả; tăng cường quản lý và hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới.

Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá năng lực người học, đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông hướng đến phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học; đẩy mạnh giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Nghệ thuật, Toán học (STEM, STEAM) và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; nâng cao năng lực tự học và ý thức học tập suốt đời; khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện của bản thân.

Thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông và các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục. Tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông.

Tiếp tục tăng cường các nguồn lực đầu tư để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo các ngành đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh. Đổi mới quản lý, chương trình và phương pháp đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế.

Nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên; xây dựng bản lĩnh, ý thức công dân và khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ, khơi dậy tinh thần tự hào, tự tôn, bản sắc đất và con người Ninh Bình; hình thành môi trường giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Chương trình tăng cường giáo dục lý tưởng

cách mạng, đạo đức, lối sống và khơi dậy khát vọng cống hiến cho học sinh, sinh viên” tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, chú trọng công tác phát triển Đảng trong học sinh phổ thông. Tăng cường công tác giáo dục thể chất, tổ chức hoạt động thể thao trường học, nâng cao dinh dưỡng học đường; triển khai Chương trình phát triển thể chất, nâng cao sức khỏe, tăng cường thể lực, tầm vóc, phòng chống bệnh tật cho học sinh phổ thông tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2045. Triển khai Đề án “Giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên gắn với di sản văn hóa địa phương” tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa đặc thù của tỉnh Ninh Bình như hát xẩm, chèo, hát văn, ca trù, dân ca,...

Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa đọc, tủ sách lớp học trong các nhà trường; đầu tư chuẩn hóa thư viện trường học, thư viện các nhà trường phải được đặt ở khu vực, vị trí trang trọng, đẹp và thuận tiện nhất.

Tiếp tục xây dựng, nhân rộng mô hình trường học “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn - Hạnh phúc”; bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

Đổi mới đánh giá người học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; giảm áp lực học tập, phát huy tối đa tiềm năng của người học. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và tăng cường phân tích kết quả, đánh giá phục vụ dạy học và quản lý giáo dục. Đẩy mạnh công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo trình độ đại học.

Triển khai Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045. Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo; khuyến khích dạy học một số môn học bằng ngoại ngữ trong giáo dục phổ thông và đào tạo bằng ngoại ngữ một số ngành học đại học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và hợp tác quốc tế trong dạy và học ngoại ngữ; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Duy trì các trường trung học phổ thông chuyên, trường trung học cơ sở điển hình, phát triển thêm các trường điển hình cấp tiểu học và trung học phổ thông. Phát hiện sớm, bồi dưỡng và định hướng phát triển năng khiếu, tài năng trong học sinh, sinh viên, nhất là trong các môn học, các ngành nghề STEM, STEAM.

Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục.

Rà soát, chuẩn hóa chương trình đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; cập nhật, biên soạn giáo trình theo hướng thực hành, ứng dụng công nghệ số, chú trọng năng lực nghề nghiệp thực tế. Tăng cường liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp; mở rộng các mô hình đào tạo gắn với doanh

ng nghiệp (đào tạo tại doanh nghiệp, lớp đặt tại doanh nghiệp, đào tạo song hành) theo nhu cầu thực tiễn thị trường lao động.

5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo từng giai đoạn, trước mắt là giai đoạn 2026-2030 và chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Hàng năm, thực hiện đồng bộ các giải pháp xây dựng, phát triển đội ngũ; chỉ đạo rà soát đội ngũ giáo viên và điều động, bố trí hợp lý theo biên chế được giao đảm bảo tỷ lệ giáo viên/lớp và chủng loại giáo viên, trong đó kết hợp với tuyển dụng để đảm bảo đủ số lượng giáo viên theo định mức quy định.

Tích cực triển khai thực hiện công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ (chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ...) cho đội ngũ cán bộ, giáo viên để chuẩn hoá, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo theo yêu cầu của Luật Nhà giáo và các quy định khác có liên quan; phối hợp với các đơn vị, các trường đại học có uy tín, chất lượng thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện nghiêm lộ trình nâng chuẩn trình độ được đào tạo cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; tập huấn, bồi dưỡng đáp ứng chuẩn nghề nghiệp cho cán bộ quản lý, giáo viên các cấp học; bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp sư phạm, chuyển đổi số, kỹ năng hướng dẫn thực hành; bồi dưỡng về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý ngành giáo dục theo hướng phát triển năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Tăng số lượng giảng viên đi đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài.

Đổi mới cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài làm việc trong ngành giáo dục phù hợp với thực tiễn của tỉnh; chú trọng thu hút giáo viên giỏi về công tác tại các trường chuyên.

Nêu cao tính gương mẫu của đội ngũ nhà giáo. Thực hiện tốt việc xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến, tôn vinh các nhà giáo, cán bộ quản lý tiêu biểu; quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ nhà giáo.

6. Bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục

Bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo bảo đảm tối thiểu 23% tổng chi ngân sách và cao hơn mức trung bình của cả nước, đồng thời cao hơn so với tiêu chuẩn, tiêu chí của Nghị quyết số 71-NQ/TW. Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, phổ cập, miễn học phí, dạy học 2 buổi/ngày, các nhiệm vụ trọng điểm, các chương trình mục tiêu, các ngành nghề mũi nhọn; ưu tiên đầu tư cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Chủ động rà soát nhu cầu và ưu tiên bố trí nguồn lực, quỹ đất cho các dự án giáo dục; xem xét bổ sung các dự án đầu tư công trung hạn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; khai thác, sử dụng hiệu quả trụ sở công đôi dư, công trình thuộc sở hữu nhà nước để phục vụ hoạt động giáo dục và đào tạo.

Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích cộng đồng, xã hội tham gia phát triển giáo dục, nhất là đầu tư phát triển các loại hình cơ sở giáo dục tư thục đáp ứng nhu cầu xã hội, trong đó quan tâm loại hình tư thục chất lượng cao và không vì lợi nhuận.

Tiếp tục đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia, đầu tư để duy trì và nâng cao chất lượng các trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia; xây dựng và triển khai Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2035. Đầu tư xây dựng các phòng học STEM, STEAM, Robotics, thực hành, khu trải nghiệm, khu thể dục thể thao,... đối với các cấp học. Đồng thời, tích hợp các mục tiêu tăng cường cơ sở vật chất trường, lớp học vào các chương trình mục tiêu quốc gia.

Tích cực thực hiện các giải pháp xây dựng và phát triển trường đại học Hoa Lư trở thành trường đại học đa ngành, có uy tín trong khu vực, đạt chuẩn quốc gia, có mô hình quản trị tiên tiến, môi trường học thuật sáng tạo, cơ sở vật chất hiện đại; xây dựng khu đại học Nam Cao thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; ngoài khu đại học Nam Cao, thu hút thêm 3 - 5 trường đại học đặt trụ sở trên địa bàn tỉnh ở những vị trí, địa bàn phù hợp, tạo thành mạng lưới đào tạo đồng bộ, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho tỉnh, khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho giáo dục nghề nghiệp; ưu tiên bố trí vốn đầu tư trung hạn cho hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành theo chuẩn nghề trọng điểm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao; đầu tư xây dựng phòng thực hành, xưởng nghề, trung tâm mô phỏng hiện đại theo chuẩn khu vực, quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tài trợ trang thiết bị và cơ sở thực tập cho học viên.

7. Thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

Thực hiện công bằng và bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục có chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân, nhất là các xã miền núi, vùng bãi ngang, ven biển, đông dân cư, khu công nghiệp và các đối tượng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Chuẩn bị các điều kiện và từng bước triển khai phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo lộ trình; thực hiện chính sách hỗ trợ trẻ dưới 36 tháng tuổi được vào học ở nhà trẻ, nhất là vùng, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị đông dân cư. Duy trì, nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ mức độ 2.

Quan tâm các chế độ, chính sách trợ cấp, ưu đãi khác đối với học sinh, sinh

viên là đối tượng chính sách xã hội, trẻ mồ côi, trẻ em không nơi nương tựa, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo; chính sách tín dụng giáo dục, học bổng, trợ cấp xã hội cho người học; chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, tạo cơ hội học tập công bằng cho mọi người.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; triển khai mô hình giáo dục từ xa cho học sinh khuyết tật không có điều kiện đến trường dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp với điều kiện của các cơ sở giáo dục.

Quan tâm xây dựng trường trung học phổ thông Dân tộc nội trú theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm; tổ chức dạy học các môn học tiếng dân tộc khi có đủ điều kiện quy định.

8. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục

Xây dựng và triển khai Đề án “Xây dựng, triển khai hệ thống Giáo dục thông minh” tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045”; hoàn thiện hạ tầng số và trang thiết bị tại các cơ sở giáo dục; 100% các cơ sở giáo dục triển khai phần mềm quản trị nhà trường, phần mềm quản lý hành chính trong trường học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác tuyển sinh, thi cử và đánh giá kết quả học tập. 100% các cơ sở giáo dục triển khai phần mềm quản trị nhà trường, phần mềm quản lý hành chính trong trường học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác tuyển sinh, thi cử và đánh giá kết quả học tập; tiếp tục triển khai học bạ số. Triển khai số hóa dữ liệu văn bằng, chứng chỉ giấy cấp cho thí sinh đã tốt nghiệp từ năm 1985 đến năm 2025; đồng thời thực hiện cấp văn bằng, chứng chỉ số cho 100% người học tốt nghiệp hằng năm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh, trung tâm điều hành giáo dục tập trung của ngành dựa trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục có khả năng kết nối dữ liệu thông suốt với các cơ sở giáo dục, các hệ thống quản lý trong và ngoài ngành, đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời. Xây dựng mô hình trường học thông minh, lớp học thông minh nhằm đổi mới mạnh mẽ phương thức quản trị, điều hành, dạy và học trong trường học.

Xây dựng, khai thác hệ thống học liệu điện tử, hệ thống các phần mềm hỗ trợ giảng dạy, học tập trực tuyến. Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, xử lý dữ liệu lớn, điện toán đám mây và các công nghệ số khác vào tất cả các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập linh hoạt, mọi lúc, mọi nơi, phù hợp với từng cá nhân.

Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin và các điều kiện khác trong các cơ sở giáo dục nhằm triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong giáo dục và đào tạo, như: Hệ thống mạng LAN, mạng không dây, kết nối mạng Internet tốc độ cao; phòng máy tính

đáp ứng giảng dạy môn tin học; các phòng học bộ môn, phòng đa năng, phòng học trên lớp có ứng dụng công nghệ thông tin, có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ, kết nối Internet; phòng sản xuất học liệu điện tử; các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý điều hành; hệ thống họp, hội nghị trực tuyến; hệ thống giám sát; các giải pháp lưu trữ, sử dụng tài nguyên dùng chung, các giải pháp và thiết bị khác.

Đảm bảo nguồn nhân lực để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục gồm cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. 100% đơn vị có lãnh đạo và cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Triển khai thực hiện và hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo Kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện các nhiệm vụ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Xây dựng hệ thống dữ liệu số dùng chung về giáo dục nghề nghiệp, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động - việc làm; đảm bảo 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai học liệu điện tử, quản lý đào tạo trực tuyến, đánh giá học tập trên nền tảng số. Từng bước hình thành mô hình “trường nghề thông minh”, ứng dụng AI, thực tế ảo, mô phỏng 3D trong giảng dạy và kiểm tra kỹ năng nghề. Đào tạo kỹ năng số cơ bản cho 100% học sinh, sinh viên, hướng đến lao động số hóa trong nền kinh tế xanh và kinh tế số.

9. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp; tạo điều kiện cho sinh viên, giảng viên tham gia nghiên cứu, phát triển sản phẩm khoa học và ứng dụng vào thực tiễn. Gắn kết nội dung nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo với Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; triển khai có hiệu quả Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển nguồn nhân lực công nghiệp bán dẫn, đưa khoa học - công nghệ trở thành động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Xây dựng văn hóa khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo ngay từ cấp phổ thông đến đại học; tổ chức các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, hình thành mạng lưới đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp của thế hệ trẻ. Xây dựng kế hoạch triển khai Quyết định số 336/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị

quyết về cơ chế, chính sách và nguồn lực hỗ trợ khởi nghiệp cho nhà giáo và người học trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phương thức giáo dục STEM/STEAM và nghiên cứu khoa học trong các trường phổ thông.

Tập trung nguồn lực xây dựng khu đại học Nam Cao, trường đại học Hoa Lư trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh. Ưu tiên đầu tư phát triển khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, công nghệ mới và nghiên cứu ứng dụng những lĩnh vực nhà trường có thế mạnh.

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, sáng chế kỹ thuật, cải tiến công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo; ưu tiên, khuyến khích các đề tài ứng dụng vào sản xuất - kinh doanh. Hình thành vườn ươm khởi nghiệp nghề nghiệp tại các trường cao đẳng, hỗ trợ học viên hiện thực hóa ý tưởng, dự án khởi nghiệp. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường - doanh nghiệp - viện nghiên cứu trong chuyển giao công nghệ và phát triển sản phẩm thực hành.

10. Tăng cường hội nhập quốc tế

Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới. Tiếp tục tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách của tỉnh, nhất là đào tạo giảng viên trình độ tiến sĩ và chuyên gia các ngành kỹ thuật, công nghệ mũi nhọn, công nghệ cao, các ngành trọng điểm mà tỉnh có nhu cầu để phát triển.

Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học ngoại ngữ, tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của giáo viên, học sinh, sinh viên. Tăng cường đưa tiếng Việt và văn hoá Việt Nam ra nước ngoài.

Tích cực tham gia các chương trình đánh giá chất lượng giáo dục quốc tế mà Việt Nam đã cam kết đối với giáo dục, đào tạo cấp tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (gồm SEA-PLM, PISA, TALIS...).

Khuyến khích các đơn vị, cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh học tập, liên kết, hợp tác với các cơ sở giáo dục và đào tạo tiên tiến trên thế giới; tăng cường các chương trình trao đổi học sinh, sinh viên với các nước có nền giáo dục phát triển trên thế giới; khuyến khích, thu hút học sinh, sinh viên nước ngoài đến học tập trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề: trao đổi chuyên gia, chương trình chuyển giao công nghệ, đào tạo theo chuẩn quốc tế. Phát triển các chương trình liên kết đào tạo với các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp tiên tiến (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức, Úc, Singapore,... Tham gia mạng lưới kiểm định, chứng nhận kỹ năng nghề ASEAN, tạo điều kiện để lao động tỉnh Ninh Bình có

thể làm việc trong môi trường quốc tế. Tổ chức hội thảo, diễn đàn quốc tế, và các cuộc thi kỹ năng nghề cấp khu vực nhằm nâng cao uy tín và vị thế của hệ thống giáo dục nghề nghiệp tỉnh.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án bao gồm:

- Ngân sách tỉnh;
- Ngân sách xã, phường;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường lập dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện Đề án và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Đề án “Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các xã, phường tham mưu triển khai sắp xếp tinh gọn bộ máy, tổ chức lại, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Giáo dục; hình thành trường trung học nghề trên địa bàn tỉnh; thu gọn lại các điểm trường trên nguyên tắc thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, miền, địa phương.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu xây dựng và điều chỉnh quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu học tập cho Nhân dân.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, xã, phường đề tập trung nghiên cứu đổi mới công tác tuyển dụng giáo viên các cấp; xây dựng cơ chế, có chính sách tuyển dụng giáo viên một số môn đặc thù, khó tuyển.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao triển khai các hoạt động giáo dục truyền thống, giáo dục di sản văn hóa địa phương, giáo dục thể chất, thể thao trường học, phát triển văn hóa đọc và thư viện trường học; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Ban Quản lý Khu đại học Nam Cao và các trường đại học trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung chỉ tiêu liên quan phát triển giáo dục đại học.

- Nghiên cứu tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

- Kiểm tra, giám sát, tổng hợp tình hình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Đề án; định kỳ 5 năm, 10 năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Đề án.

2. Sở Tài chính

- Tham mưu lập kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm; ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước cho các sở, ngành và các huyện, thành phố để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục và đào tạo để thực hiện mục tiêu, giải pháp của Đề án, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Bảo đảm bố trí ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo đạt cao hơn mức tối thiểu theo quy định.

- Tổng hợp, công khai số liệu chi đầu tư cho giáo dục theo kế hoạch trung hạn và hàng năm theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp nhu cầu về đội ngũ giáo viên, nhân viên, tham mưu ưu tiên bố trí, bổ sung biên chế ngành giáo dục sát với nhu cầu thực tiễn theo định mức do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục của tỉnh đến năm 2030.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc tham gia giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, địa phương xây dựng, triển khai cơ chế, chính sách để thúc đẩy hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin trong ngành giáo dục tỉnh, nhất là tại các cơ sở giáo dục.

5. Sở Văn hoá và Thể thao

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện cho các nhà trường được sử dụng các công trình thể

thao trên địa bàn phục vụ công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học; thực hiện việc sử dụng di sản văn hóa trong dạy học để bồi dưỡng, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đức, trí, thể, mỹ.

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường tuyên truyền về giáo dục và đào tạo.

6. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương để kiện toàn và nâng cao năng lực hệ thống y tế trường học, đảm bảo việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em, học sinh, sinh viên để cải thiện, nâng cao thể lực, sức khỏe của con người Việt Nam.

7. Sở Xây dựng

Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng các cơ sở giáo dục; thiết kế xây dựng và mở rộng trường học bảo đảm các tiêu chuẩn quy định.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan liên quan quy hoạch, xác định vị trí, diện tích và bố trí đất để mở rộng, xây mới trường lớp học.

- Căn cứ nhu cầu sử dụng đất cho giáo dục, đào tạo của Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo nhu cầu sử dụng quỹ đất cho giáo dục, đào tạo để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai.

- Chủ trì, phối hợp với các các sở, ngành liên quan trong việc tổng hợp về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình, đề án, dự án khác liên quan đến giáo dục.

9. Các sở, ban, ngành và tổ chức chính trị - xã hội khác có liên quan

Các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp có liên quan triển khai thực hiện Đề án này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa và triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công tác quy hoạch cho phát triển giáo dục và đào tạo theo quy định; bố trí đủ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án trong lĩnh vực giáo dục của địa phương mình.

- Triển khai việc sắp xếp, tổ chức lại, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc quản lý; thu gọn các điểm trường trên nguyên tắc tạo thuận lợi cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Rà soát, đề xuất nhu cầu số lượng người làm việc tại các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý; đề xuất tuyển dụng đội ngũ viên chức giáo dục bảo đảm định mức quy định.

11. Ban quản lý Khu đại học Nam Cao, các trường đại học trên địa bàn tỉnh

Thực hiện Đề án về nhiệm vụ phát triển giáo dục đại học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

12. Các trường Cao đẳng và Trung cấp trên địa bàn tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Chủ động nghiên cứu, triển khai các hoạt động đào tạo gắn với nhu cầu xã hội, đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế.

13. Các cơ sở giáo dục

Tích cực đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý và dạy học; căn cứ nội dung, định hướng quy hoạch để xây dựng chiến lược phát triển cơ sở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của ngành và xu thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Rà soát cơ sở vật chất, lập kế hoạch sửa chữa, duy tu các công trình xuống cấp, đồng thời bố trí kinh phí thường xuyên, huy động nguồn kinh phí hợp pháp khác để tăng cường, sửa chữa cơ sở vật chất, thực hiện tốt chương trình giáo dục.

14. Chế độ báo cáo

Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, Trường Đại học Hoa Lư, các trường cao đẳng của tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Đề án gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo./.